ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I – Đề số 8

Môn: Toán - Lớp 7

Bộ sách: Chân trời sáng tạo + Cánh diều

BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Mục tiêu

- Ôn tập các kiến thức về số hữu tỉ, số thực, các hình khối trong tự nhiên, một số kiến thức về góc và đường thẳng của chương trình sách giáo khoa Toán 7 – Chân trời sáng tạo và Cánh diều.

- Vận dụng linh hoạt lý thuyết đã học trong việc giải quyết các câu hỏi trắc nghiệm và tự luận Toán học.

- Tổng hợp kiến thức dạng hệ thống, dàn trải các kiến thức đã học – chương trình Toán 7.

Phần trắc nghiệm (3 điểm)

Câu 1. Chọn khẳng định đúng

A. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Q}$.

B. $\frac{3}{2} \in \mathbb{Z}$.

C. $\frac{-9}{5} \notin \mathbb{Q}$.

D. $-6 \in \mathbb{N}$.

Câu 2. Số hữu tỉ dương là

A. $\frac{-11}{3}$.

B. $-\frac{12}{5}$.

C. $\frac{-5}{-7}$.

D. $\frac{15}{-13}$.

Câu 3. Kết quả phép tính $\frac{3}{7}+\frac{4}{7}.\frac{-21}{35}$ là

A. $\frac{3}{35}$.

B. $\frac{-21}{35}$.

C. $\frac{-11}{35}$.

D. $\frac{11}{35}$.

Câu 4. Giá trị của x trong phép tính $\frac{2}{5}-x=\frac{1}{3}$ bằng

A. $\frac{7}{30}$.

B. $\frac{-1}{15}$.

C. $\frac{11}{15}$.

D. $\frac{1}{15}$.

Câu 5. Căn bậc hai số học của 81 là

A. 9 và -9

B. $\frac{-1}{81}$.

C. -9.

D. 9.

Câu 6. Khẳng định đúng là

A. $|-3,5| = -3,5$ B. $|-3,5| = 3,5.$

C. $|-3,5| = \pm 3,5$ D. $|-3,5| > 3,5.$

Câu 7. Số nào trong các số dưới đây viết được dưới dạng số thập phân hữu hạn

A. $\frac{-7}{15}.$ B. $\frac{-7}{24}.$

C. $\frac{-5}{32}.$ D. $\frac{12}{45}.$

Câu 8. Giá trị của x trong đẳng thức $|x|$ - 0,6 = 1,4 là

A. 2 hoặc -2. B. 0,6 hoặc -0,6.

C. 2. D. -2.

Câu 9. Giá trị của đẳng thức $\sqrt{2+3+4+3+4}$

A. 16. B. -16.

C. 4. D. -4.

Câu 10. Những đồ vật sau có dạng hình gì?

A. Hình hộp chữ nhật B. Hình vuông

C. Hình lập phương D. Hình chữ nhật

Câu 11. Cho hình hộp chữ nhật có kích thước như hình vẽ.

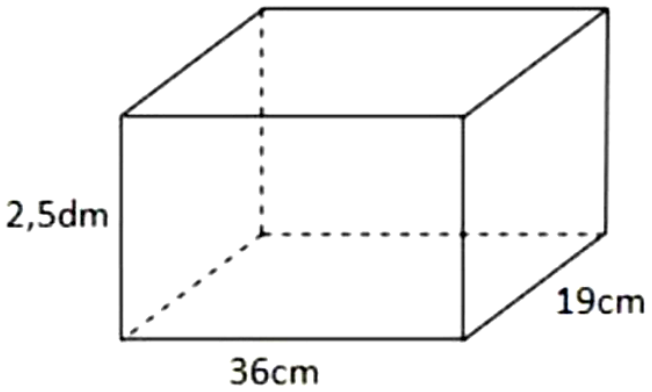

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:

A. 2750 cm^2 B. 275 cm^2

C. 2770 cm^2 D. 27 cm^2

Câu 12. Cho hình bên dưới, biết số đo $xHy = 38^0$. Số đo yHm = ?

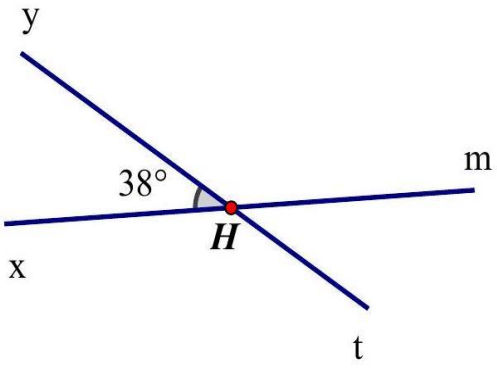

A. 38^0
B. 142^0
C. 52^0
D. 128^0

PHẦN II. TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1. (2,0 điểm)

1. So sánh: - 3,7634 và – 3,7654.

2. Thực hiện các phép tính sau

a. $\frac{2}{9}-\left(\frac{1}{2}\right)^2+\frac{5}{18}$

b. $17\frac{1}{3}.\left(\frac{-5}{7}\right)-10\frac{1}{3}.\left(\frac{-5}{7}\right)$

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 2. (1,5 điểm) Tìm x, biết

a. x + 4,5 = 7,5

b. $\frac{2}{3}.x+\frac{1}{2}=\frac{4}{9}$

c. |x| - 0,7 = 1,3

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 3. (2,5 điểm)

1. Cho một căn phòng có dạng hình hộp chữ nhật. Biết chiều dài, chiều rộng căn phòng lần lượt là 3m và 2m và chiều cao của căn phòng là 4m.

a. Tính diện tích mặt sàn căn phòng.

b. Để sơn xung quanh căn phòng cần trả bao nhiêu tiền công cho thợ sơn biết giá công sơn là 50 000 đồng cho mỗi m^2.

2. Cho hình vẽ bên. Biết hai đường thẳng a và b song song với nhau và $A_1 = 70^0$.

a. Tính số đo của $A_3; B_3$

b. Kẻ đường thẳng c vuông góc với đường thẳng a tại M.

Chứng tỏ rằng: c ⊥ b

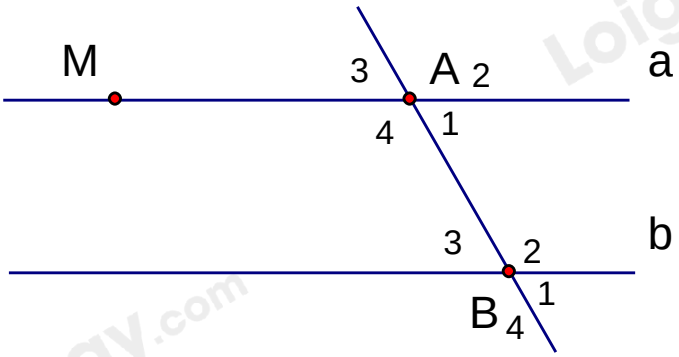

.....

.....

.....

.....

.....

Bài 4. (1,0 điểm). So sánh A và B biết:

$A=\dfrac{2023^{2023}+1}{2023^{2024}+1}$ và $B=\dfrac{2023^{2022}+1}{2023^{2023}+1}$

.....

.....

.....

.....

.....

-------- Hết --------